

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/HS-ST

Ngày 26- 02- 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hòa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lò Việt Tuyền

2. Ông Nguyễn Mạnh Thường

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Út - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa:

Ông Lê Sỹ Hiếu- Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 08/2019/TLST- HS ngày 31 tháng 12 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2020/QĐXXST- HS ngày 10/02/2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Triệu Văn T** - Giới tính: Nam; Tên gọi khác: T

Sinh ngày 08 tháng 3 năm 1978 tại huyện V, tỉnh Lào Cai

Nơi cư trú: Thôn B, xã S, huyện V, tỉnh Lào Cai.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: Không biết chữ; Nghề nghiệp: Tự do; Con ông: Triệu Kim H (đã chết); Con bà: Triệu Thị K (đã chết); Vợ thứ nhất: Triệu Thị P, sinh năm: 1975 (đã ly hôn); Vợ thứ hai: Lương Thị T, sinh năm: 1982; Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 1995, con nhỏ sinh năm 1998. Gia đình bị can có 05 chị em, bị can là con thứ năm trong gia đình.

Tiền án: Bị cáo có 02 tiền án: Tại bản án số 05/2015/HS-ST ngày 12/3/2015 của TAND huyện B, tỉnh Lào Cai áp dụng khoản 1 Điều 138 BLHS; điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, BLHS 2003 xử phạt bị cáo Triệu Văn T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù và chịu án phí HSST, bồi thường cho các bị hại.

Tại bản án số 06/2015/HS-ST ngày 16/3/2015 của TAND huyện V, tỉnh Lào Cai áp dụng khoản 1 Điều 138 BLHS; điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 53 BLHS 2003 xử phạt bị cáo Triệu Văn T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù và chịu án phí HSST, bồi thường cho các bị hại. TAND huyện V ra Quyết định tổng hợp hình phạt số 01 ngày 20/4/2015 buộc bị cáo Triệu Văn T phải thi hành 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù. Hiện bị cáo chưa thi hành xong phần bồi thường dân sự theo quyết định của bản án.

Tiền sự: Không

Bị cáo bị Cơ quan CSĐT Công an huyện T, tỉnh Lai Châu bắt tạm giữ từ ngày 08/7/2019 đến ngày 17/7/2019 bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Do bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” tại địa bàn huyện B và huyện V, tỉnh Lào Cai nên sau khi TAND huyện V xét xử đã chuyển đến bị cáo đến Trại tạm giam Công an tỉnh Lào Cai. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa

2. Họ và tên: **Hoàng Văn D** - Giới tính: Nam

Tên gọi khác: Không

Sinh ngày 20 tháng 3 năm 1990 tại: xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

Nơi cư trú: Tổ 27, phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Tự do; Con ông: Hoàng Văn N, sinh năm: 1965; Con bà: Nguyễn Thị H, sinh năm 1969; Vợ: Lù Thị N, sinh năm 1994; Bị cáo có 01 con, sinh năm 2015. Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình.

Tiền án, tiền sự: Không.

Do bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” tại địa bàn huyện V, tỉnh Lào Cai nên các Cơ quan tố tụng huyện V, tỉnh Lào Cai áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Đặng Văn P** - Giới tính: Nam

Tên gọi khác: Không

Sinh ngày 08 tháng 11 năm 1993 tại: Huyện V, tỉnh Lào Cai

Nơi cư trú: Thôn B, xã S, huyện V, tỉnh Lào Cai.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Tự do; Con ông: Đặng Tiến K, sinh năm 1974; Con bà: Triệu

Thị N, sinh năm 1978; Vợ: Triệu Mùi N, sinh năm: 1996; Con: bị cáo 01 con, sinh năm 2015; Gia đình bị cáo có 03 chị em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình.

Tiền án, tiền sự: Không

Do bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” tại địa bàn huyện V, tỉnh Lào Cai nên sau khi TAND huyện V xét xử đã chuyển đến bị cáo đến Trại tạm giam Công an tỉnh Lào Cai. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: **Hoàng Ông K** - Giới tính: Nam

Tên gọi khác: Không

Sinh ngày 23 tháng 11 năm 1997 tại huyện V, tỉnh Lào Cai

Nơi cư trú: Thôn N, xã K, huyện V, tỉnh Lào Cai

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 05/12; Nghề nghiệp: Tự do; Con ông Hoàng Hiếu N, sinh năm: 1975; Con bà Triệu Thị P (đã chết); Mẹ kế: Triệu Thị L, sinh năm: 1989; Bị cáo chưa có vợ, con. Gia đình bị cáo có 05 anh em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình.

Tiền án: Bị cáo có 01 tiền án: Tại bản án số 40/2016/HSST ngày 29/11/2016 của TAND huyện V, tỉnh Lào Cai áp dụng khoản 1 Điều 138 BLHS; điểm g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 53 BLHS xử phạt Hoàng Ông K 09 (chín) tháng tù.

Tiền sự: Không

Do bị can phạm tội “Trộm cắp tài sản” tại địa bàn huyện V, tỉnh Lào Cai nên sau khi TAND huyện V xét xử đã chuyển đến bị can đến Trại tạm giam Công an tỉnh Lào Cai. Hiện bị can đang bị tạm giam tại Trại giam H tỉnh Yên Bái. Có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại:**

1. Ông Lò Văn L, sinh năm 1964. Có mặt tại phiên tòa

Trú tại: Bản M, xã M, huyện Th, tỉnh Lai Châu.

2. Ông Vàng A C, sinh năm 1986. Có mặt tại phiên tòa

Trú tại: Bản N, Xã P, huyện Th, tỉnh Lai Châu

3. Ông Tráng A H, sinh năm 1979. Có mặt tại phiên tòa

Trú tại: Bản K, xã H, huyện T, tỉnh Lai Châu.

4. Ông Sùng A X, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Trú tại: Bản C, xã S, huyện TĐ, tỉnh Lai Châu.

- Người đại diện theo ủy quyền của bị hại Sùng A X: Ông Sùng A S, sinh năm 1977. Có mặt tại phiên tòa.

Trú tại: Bản P, xã N, huyện N, tỉnh Lai Châu.

5. Ông Tòng Văn P, sinh năm 1960. Có mặt tại phiên tòa.

Trú tại: Bản C, xã P, huyện Th, tỉnh Lai Châu.

***Người phiên dịch:** Ông Giàng A S, sinh năm 1976.

Trú tại: Bản N, xã P, huyện Th, tỉnh Lai Châu. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng cuối tháng 5, đầu tháng 6 năm 2019, bị can Hoàng Văn D tình cờ gặp bị can Triệu Văn T, là người đã quen biết từ trước, tại một quán nước thuộc khu vực ngã 6, phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Trong khi uống nước, nói chuyện làm ăn, D và T thống nhất: nếu T trộm được trâu mổ lấy thịt mang đến D sẽ nhận thịt tiêu thụ, nhưng sau khi bán được thịt trâu thì D mới trả tiền cho T. Các bị can thống nhất về giá cả thịt trâu từ 100.000 đồng đến 130.000 đồng. Sau khi thống nhất D thường xuyên dùng số thuê bao 0857668169 của mình để liên lạc với T theo số thuê bao 0857914429.

Từ ngày 14/6/2019 đến ngày 07/7/2019, Triệu Văn T đã rủ thêm các bị can Đặng Văn P, Hoàng Ông K ba lần thực hiện hành vi trộm cắp trâu trên địa bàn các huyện Th, T, TĐ, tỉnh Lai Châu (riêng Hoàng Ông K chỉ tham gia trộm cắp cùng T hai lần), sau đó mang thịt trâu về bán cho D như đã thỏa thuận.

Lần thứ nhất: Trưa ngày 13/6/2019, Triệu Văn T rủ Hoàng Ông K, lên phòng trọ của mình ở phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai chơi, sau đó lại rủ K đi Lai Châu chơi, K nhất trí. T chuẩn bị trước, dao, dây thừng, đá mài, bao tải, đèn pin và một số vật dụng khác để mổ trâu cho vào trong ba lô, mục đích trên đường đi nếu thấy thuận lợi cho việc trộm cắp trâu thì sẽ cùng K mổ trộm trâu. T đi xe mô tô WIN màu đen không biển số, còn K đi xe mô tô SIRIUS biển kiểm soát 24P2-3258. Khi đến huyện TĐ, do xe của Khách đi bị trục trặc, không đi nhanh được nên T bảo K đưa xe mô tô SIRIUS cho Tài quay về thành phố L đổi xe khác. Tài về lấy xe mô tô Future biển kiểm soát 24B1-34531 của mình quay lại huyện TĐ gặp K, rồi cả hai đi về huyện T. T bảo K quay lại chợ thị trấn đợi rồi một mình đi vào một bãi chăn thả trâu của xã TM, huyện T tìm trâu để trộm cắp. Phát hiện có trâu chăn thả không có người trông coi nên T quay lại rủ K trộm cắp nhưng do trời mưa nên tối hôm đó cả hai không thực hiện được.

Đến 09 giờ sáng ngày 14/6/2019, T gọi điện cho P vào số thuê bao 0366271327 rủ P đi sang T để trộm cắp trâu, P đồng ý. T bảo P ra thành phố L, vào phòng trọ của Tài lấy xe mô tô SIRIUS bị hỏng đi sửa rồi đi sang huyện T. P đồng ý. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, P gặp T, K, sau đó cả ba đi ăn cơm tối thống nhất chờ trời tối sẽ đi trộm cắp trâu tại địa điểm T đã thăm dò. Ăn cơm xong, cả ba đi mỗi người một xe đến km 23+300, đường tỉnh lộ 107 thuộc địa phận xã TM, thì giấu xe vào trong một đường mòn gần bãi chăn thả trâu, rồi cả ba mang đèn pin và dụng cụ mổ trâu đi vào bãi chăn thả trâu. Phát hiện 03 con trâu cái có đặc điểm màu lông đen, T, K mỗi người cầm một con dao đuôi dòn chém 03 con trâu, **T chém được một con trâu cái khoảng 05 tuổi (là con trâu của gia đình ông Vàng A C, sinh năm 1986 trú tại bản N, xã P, huyện Th).** Con trâu bỏ chạy bị rơi xuống cống thoát nước cạnh đường quốc lộ 107. Sau đó, T, P chặt cành cây phủ lên người con trâu. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, D gọi điện hỏi T xem mổ được trâu chưa, T trả lời “đang đuổi”. Cả ba người tiếp tục phát hiện khoảng 06 - 07 con trâu lông màu đen, đang ở gần đó. P, K dồn những con trâu này vào một bãi đất bằng gần đường để T chém, **T dùng dao chém vào khuỷu chân sau của hai con trâu cái màu lông đen, 01 con khoảng 08 tuổi (là con trâu của gia đình ông Vàng A C, sinh năm 1986 trú tại bản N, xã P, huyện Th) và 01 con trâu khoảng 05 tuổi (của gia đình ông Tráng A H, sinh năm 1979, trú tại bản K, xã H, huyện T).** T dùng dao nhọn chọc vào cổ để hai con trâu chết hẳn. Khi trâu chết cả ba người dùng dao lột toàn bộ thịt của hai con trâu này rồi tiếp tục xuống lột hết thịt của con trâu bị rơi xuống cống thoát nước. Toàn bộ số thịt của 03 con trâu được cho vào 02 bao tải to và 04 bao tải nhỏ rồi T, P, K dùng 3 xe chở toàn bộ số thịt trâu trộm cắp được đi về thành phố L. Khi qua chợ T khoảng 03 giờ sáng ngày 15/6/2019, Tài gọi điện thông báo cho D biết là đã có thịt trâu đồng thời thống nhất địa điểm giao nhận tại ngã 6, thành phố L. T, P, K chở thịt trâu đến chỗ hẹn gặp D. Khi gặp D, thì P, K để lại thịt trâu rồi về nhà trọ của T nghỉ. D và T trực tiếp cân toàn bộ số thịt trâu được hơn 200 kg, trị giá 21.000.000 đồng, D đem bán tại chợ đêm K, thành phố L được 25.000.000 đồng. Sau khi bán thịt trâu xong, khoảng 9 giờ cùng ngày, D đến phòng trọ gặp T để thanh toán. Quá trình thanh toán do có một số thịt trâu bị dính sán không bán được nên D yêu cầu T trừ cho D 3.000.000 đồng. T nhất trí, D đưa cho Tài 18.000.000 đồng. D hưởng lợi 7.000.000 đồng. T nhận tiền chia cho P và K mỗi người 1.500.000 đồng. Toàn bộ số tiền được hưởng lợi, ăn chia T, D, P, K chi tiêu cá nhân hết.

Kết luận định giá tài sản số 21/KL-HĐĐGTS và số 23/KL- HĐĐGTS ngày 24/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự huyện T xác định: 02 con trâu (01 con trâu cái màu lông đen khoảng 08 tuổi; 01 con trâu cái, màu lông đen khoảng 05 tuổi) của ông Vàng A C, có tổng giá trị: 53.465.250 đồng; 01 con trâu

cái màu lông đen khoảng 05 tuổi của ông Tráng A H, có giá trị là 35.000.000 đồng (*Bút lục số 551, 554*).

Lần thứ hai: Cũng với phương thức thủ đoạn như đã nêu trên vào ngày 19/6/2019, Triệu Văn T tiếp tục rủ Đặng Văn P, Hoàng Ông K cùng nhau đi xe mô tô sang địa bàn huyện Th, tỉnh Lai Châu, mỗ trộm trâu về bán thịt cho Hoàng Văn D như thỏa thuận trước. Khoảng 19 giờ cùng ngày tại bãi chăn thả trâu ở đèo Kh, thuộc địa phận xã P, huyện Th, tỉnh Lai Châu, các bị can Triệu Văn T, Đặng Văn P, Hoàng Ông K đã cùng nhau giết một con trâu cái lông màu trắng khoảng 07 tuổi và một con trâu cái lông màu đen khoảng 08 tuổi của gia đình ông Tòng Văn P, sinh năm 1960 trú tại bản C, xã P, huyện Th, tỉnh Lai Châu. Do con trâu cái lông màu trắng bị chém vào chân bỏ chạy dơi xuống vực nên các bị can chỉ mỗ lấy thịt của con trâu cái lông màu đen khoảng 08 tuổi sau đó các bị can tiếp tục bắt trộm 05 con dê của gia đình ông Lò Văn L, sinh năm 1964, trú tại: Bản M, xã M, huyện Th, tỉnh Lai Châu. Toàn bộ số thịt trâu trộm cắp được, K và P cùng nhau chở mang về Lào Cai cho Hoàng Văn D, còn T chở 05 con dê trên về huyện B, tỉnh Lào Cai bán cho một người dân ông dân tộc Mông không rõ lai lịch được 3.500.000 đồng. D bán thịt trâu xong được 15.000.000 đồng nhưng mang đến cho T 10.000.000 đồng. Tổng số tiền bán thịt trâu và dê trộm cắp được T chia cho P, K mỗi người 1.500.000 đồng, số còn lại T giữ phần mình. Toàn bộ số tiền này các bị cáo đã tiêu sài hết.

Kết luận định giá tài sản số: 06/HĐ-ĐGTS, ngày 28/6/2019; số: 08/ĐGTS, ngày 12/7/2019 và Kết luận số: 07/HĐ-ĐGTS, ngày 28/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự huyện Th xác định: 02 con trâu (01 con trâu cái màu lông đen 08 tuổi; 01 con trâu cái màu lông trắng 07 tuổi, trâu do các bị can đuổi chém rơi xuống vực bị chết) của ông Tòng Văn P, có giá trị: 49.000.000 đồng; 05 con dê (01 con đực; 04 con cái) của ông Lò Văn L, có giá trị: 11.000.000 đồng (*Trích Bút lục số 51, 58, 59*).

Lần thứ ba: Tài tiếp tục rủ P sang địa bàn huyện TĐ, tỉnh Lai Châu, để mỗ trộm trâu lấy thịt bán cho D. Khoảng 19 giờ ngày 07/7/2019, T và P đi vào khu vực bãi chăn thả trâu thuộc bản C, xã S, huyện TĐ, tỉnh Lai Châu, T và P đã giết **mỗ trộm một con trâu khoảng 6 tuổi, của ông Sùng A X, sinh năm 1983, trú tại: Bản C, xã S, huyện TĐ, tỉnh Lai Châu.** Sau khi cho thịt vào 02 bao tải buộc lên 02 mô tô thì T gọi điện thoại thông báo cho D biết là đã có thịt trâu, chuẩn bị mang về cho D. Cả hai nỏ xe máy vừa đi một đoạn thì bị quần chúng nhân dân phát hiện, truy đuổi. Cả hai bỏ lại xe mô tô và toàn bộ số thịt trâu, đồ dùng có liên quan chạy trốn thoát. Đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày D gọi điện lại cho T xem có thịt trâu không thì T bảo đang bị phát hiện và bị truy đuổi, T bảo D đừng gọi điện nữa, D sợ bị phát hiện nên đã bẻ sim điện thoại rồi vứt cả điện thoại và

sim điện thoại vào thùng rác. Đến sáng ngày 08/7/2019 Tài đang lẩn trốn ở khu vực bản C thì bị chính quyền địa phương cùng nhân dân xã S bắt giữ, còn Đặng Văn P chạy thoát về huyện V, tỉnh Lào Cai. Biết không thể trốn tránh được pháp luật nên ngày 10/7/2019, **P đã đến Công an huyện V, tỉnh Lào Cai đầu thú.**

Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 08/7/2019 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự huyện TĐ kết luận 01 con trâu cái màu lông đen 06 tuổi của ông Sùng A X, sinh năm 1983, trú tại: Bản C, xã S, huyện TĐ bị Triệu Văn T và Đặng Văn P trộm cắp ngày 07/7/2019 có trị giá là 18.900.000 đồng (*Trích Bút lục số 298*).

Tại bản cáo trạng số 01/CT-VKS LC – P2 ngày 28/12/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu đã truy tố các bị cáo về tội: “ Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu đưa ra các tài liệu chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị:

Về hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, Điều 17, Điều 58 BLHS; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm g, h khoản 1 Điều 52 BLHS xử phạt bị cáo Triệu Văn T từ 05 đến 06 năm tù, xử phạt bị cáo Hoàng Ông K từ 03 đến 04 năm tù;

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, Điều 17, Điều 58 BLHS; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS xử phạt bị cáo Hoàng Văn D từ 04 đến 05 năm tù, xử phạt bị cáo Đặng Văn P từ 03 đến 04 năm tù;

Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự, Tổng hợp hình phạt đối với các bị cáo theo quy định.

Về vật chứng của vụ án: Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu đề nghị: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 47 Bộ luật hình sự: tịch thu toàn bộ các vật chứng không còn giá trị sử dụng để tiêu hủy. Tịch thu 02 chiếc xe máy, 03 chiếc điện thoại của bị cáo Tài để hóa giá sung vào công quỹ Nhà nước; trả lại cho bị cáo T 01 giấy phép lái xe và 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Triệu Văn T

Về trách nhiệm dân sự: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu đề nghị buộc các bị cáo bồi thường thiệt hại cho các bị hại theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm các bị hại gồm các ông: Vàng A C, Tráng A H, Tòng Văn P, Lò Văn L đề nghị Hội đồng xét xử buộc các bị cáo bồi thường cho các bị

hại đúng giá trị tài sản bị mất như Hội đồng định giá đã kết luận. Ngoài ra các ông không đề nghị gì thêm. Các bị cáo nhất trí. Riêng đại diện ủy quyền của bị hại Sùng A X là ông Sùng A S đề nghị buộc các bị cáo bồi thường cho gia đình ông X trị giá con trâu là 30.000.000 VNĐ và tiền ăn uống, tiền công đi tìm kiếm là 10.000.000 VNĐ. Các bị cáo T, P, D không nhất trí.

Nói lời sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an tỉnh Lai Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai báo, người bào chữa không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2]. Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa ngày hôm nay phù hợp lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, và các lời khai của các bị hại, biên bản định giá tài sản. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Lợi dụng tập quán chăn thả đông gia súc không có người trông coi vào buổi tối; trong khoảng thời gian từ ngày 14/6/2019 đến ngày 07/7/2019, Triệu Văn T sau khi đã thống nhất với Hoàng Văn D về việc D sẽ tiêu thụ thịt trâu do T trộm cắp về bán cho D. T đã rủ rê Đặng Văn P và Hoàng Ông K nhiều lần bắt trộm trâu, dê trên địa bàn các huyện T, Th, TĐ thuộc tỉnh Lai Châu. Các bị cáo Triệu Văn T, Đặng Văn P đã 03 lần bắt trộm để giết mổ 06 con trâu và 05 con dê có tổng giá trị tài sản 167.356.250 VNĐ của các bị hại Vàng A C, Tráng A H, Tòng Văn P, Lò Văn L, Sùng A X; còn bị cáo Hoàng Ông K tham gia 02 lần bắt trộm, giết mổ 05 con trâu và 05 con dê cùng các bị cáo T và P trị giá 148.456.250 VNĐ. Do đã hứa hẹn trước về việc tiêu thụ thịt trâu do bị cáo T trộm cắp được nên Hoàng Văn D đã 02 lần mua toàn bộ số thịt trâu do T cùng đồng bọn trộm cắp. Đến lần thứ ba khi T, P, K mang thịt trâu trộm cắp được đến cho D thì bị phát hiện bắt giữ. D phải chịu trách nhiệm hình sự đồng phạm với T, P, K trong các lần trộm trâu giết mổ trị giá 156.356.250 VNĐ. Hành vi nêu trên của Triệu Văn T, Hoàng Văn D, Đặng Văn

P, Hoàng Ông K đã đủ yếu tố cấu thành tội “ Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 2 điều 173 Bộ luật hình sự.

Điều 173 BLHS quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

c. Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng...”

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã cố ý xâm phạm đến quyền tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, cần phải áp dụng hình phạt theo quy định của điều luật đối với bị cáo. Cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để các bị cáo cải tạo thành công dân có ích cho xã hội. Khi quyết định mức hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét đến tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như sau:

Đối với bị cáo Triệu Văn T: Bị cáo có 02 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản”. Tại bản án số 05/2015/HS-ST ngày 12/3/2015 của TAND huyện B, tỉnh Lào Cai xử phạt Triệu Văn T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Tại bản án số 06/2015/HS-ST ngày 16/3/2015 của TAND huyện V, tỉnh Lào Cai xử phạt Triệu Văn T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù và chịu án phí HSST, bồi thường cho các bị hại. TAND huyện V ra Quyết định tổng hợp hình phạt số 01 ngày 20/4/2015 buộc bị cáo Triệu Văn T phải thi hành 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù.

Đối với Hoàng Ông K Tại bản án số 40/2016/HS-ST ngày 29/11/2016 của TAND huyện V, tỉnh Lào Cai xử phạt Hoàng Ông K 09 (chín) tháng tù, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt chính, phần bồi thường dân sự chưa chấp hành xong. Hiện cả hai bị cáo chưa thi hành xong phần bồi thường dân sự theo quyết định của bản án.

Căn cứ vào Điều 70 BLHS hai bị cáo chưa được xóa án tích, các bị cáo không lấy đó làm bài học, nay lại tiếp tục phạm tội, do đó bị cáo Tài và bị cáo Khách thuộc trường hợp tái phạm và phạm tội nhiều lần cần áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo được quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 BLHS. Tuy nhiên trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hai bị cáo đã thành khẩn khai báo, hai bị cáo là người dân tộc thiểu số cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho hai bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS cho hai bị cáo. Trong vụ án bị cáo Tài giữ vai trò khởi

sướng chủ mưu và cũng thực hiện tích cực, được hưởng lợi từ việc phạm tội lớn hơn, do đó cần áp dụng mức hình phạt cao hơn các bị cáo khác là thỏa đáng.

Đối với bị cáo Đặng Văn P và Hoàng Văn D, hai bị cáo chưa có tiền án tiền sự, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS cho hai bị cáo. Bị cáo P có ông nội được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất, bị cáo D trong thời gian được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đã có hành vi nhặt được tài sản 18.000.000VNĐ đã mang trình báo Công an để trả lại cho bị hại, có bố đẻ là người có công với cách mạng, được xác nhận tại bản án phúc thẩm số 01/2020/HS- PT ngày 13/01/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai, do đó cần áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ một phần hình phạt cho cả hai bị cáo. Ngoài ra hai bị cáo P và D thực hiện hành vi trộm cắp nhiều lần nên hai bị cáo chịu áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

[3]. Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng nhưng xét thấy các bị cáo không có tài sản nên Hội đồng xét xử cần miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của các bị hại nên cần phải bồi thường trị giá tài sản bị mất theo đúng quy định tại Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015. Khi quyết định mức bồi thường Hội đồng xét xử cân nhắc vai trò của từng bị cáo trong vụ án cũng như tính toán mức độ được hưởng tài sản trộm cắp để quyết định cho thỏa đáng:

* Đối với bị hại Vàng A C bị mất 01 con trâu cái 05 tuổi trị giá 31.000.000 VNĐ; 01 con trâu 08 tuổi trị giá 22.456.250 VNĐ. Các bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường toàn bộ trị giá 2 con trâu là 53.456.250 VNĐ. Tại phiên tòa hôm nay ông C yêu cầu các bị cáo bồi thường cho ông bằng trị giá 02 con trâu. Trong lần trộm cắp này T được hưởng 15.000.000VNĐ, D được hưởng 7.000.000VNĐ, K và P mỗi người được hưởng 1.500.000VNĐ. Các bị cáo phải nộp lại số tiền bị cáo được hưởng để bồi thường cho các gia đình bị hại, phần còn lại các bị cáo đều có trách nhiệm bồi thường. Do đó:

Bị cáo Triệu Văn T bồi thường: 23.000.000VNĐ

Bị cáo Hoàng Ông K bồi thường: 8.456.250VNĐ

Bị cáo Đặng Văn P bồi thường 8.000.000VNĐ

Bị cáo Hoàng Văn D bồi thường: 14.000.000VNĐ

* Đối với bị hại Tráng A H bị mất 01 con trâu 05 tuổi trị giá 35.000.000VNĐ. Tại phiên tòa hôm nay ông Hành chỉ đề nghị các bị cáo bồi thường trị giá con trâu là 35.000.000VNĐ. Do đó:

Bị cáo Triệu Văn T bồi thường 10.000.000VNĐ

Bị cáo Hoàng Ông K bồi thường 8.000.000VNĐ

Bị cáo Đặng Văn P bồi thường 8.000.000VNĐ

Bị cáo Hoàng Văn D bồi thường 9.000.000VNĐ

* Đối với bị hại Tòng Văn P bị mất 02 con trâu: 01 con trâu cái 07 tuổi màu trắng trị giá 23.800.000VNĐ; 01 con trâu cái màu đen 08 tuổi trị giá 25.200.000VNĐ. Tổng cộng 49.000.000VNĐ. Nay ông P đề nghị các bị cáo bồi thường 49.000.000VNĐ. Trong lần phạm tội này Tài được hưởng 13.500.000VNĐ, Dương được 5.000.000VNĐ, P và K mỗi người được 1.500.000VN. Do đó:

Bị cáo Triệu Văn T bồi thường: 20.000.000VNĐ

Bị cáo Hoàng Ông K bồi thường: 8.500.000VNĐ

Bị cáo Đặng Văn P bồi thường: 8.500.000VNĐ

Bị cáo Hoàng Văn D bồi thường 12.000.000 VNĐ

* Đối với bị hại Lò Văn L bị mất 05 con dê trị giá 11.000.000VNĐ. Ông Lò Văn L đề nghị các bị cáo bồi thường trị giá 05 con dê là 11.000.000VNĐ. Do việc trộm cắp dê lần này bị cáo D không được hứa hẹn bàn bạc trước việc mua dê nên bị cáo D không phải bồi thường. Số tiền bán dê và số tiền bán thịt trâu trong vụ trộm trâu của ông Tòng Văn P, Tài gộp lại để chia cho P và K mỗi người hưởng 1.500.000VNĐ đã tính toán nghĩa vụ bồi thường ở trên nên lần trộm dê này bị cáo T được hưởng 3.500.000 VNĐ. Tương tự, bị cáo phải có trách nhiệm nộp lại số tiền 3.500.000 VNĐ để bồi thường, phần còn lại T, P và K đều có trách nhiệm bồi thường cho ông L. Do đó:

Bị cáo Triệu Văn T bồi thường 6.000.000VNĐ

(3.500.000VNĐ + 2.500.000VNĐ)

Bị cáo Hoàng Ông K bồi thường: 2.500.000VNĐ

Bị cáo Đặng Văn P bồi thường: 2.500.000VNĐ

* Đối với bị hại Sùng A X bị mất 01 con trâu cái 06 tuổi trị giá 18.900.000VNĐ. Do 2 bị cáo Triệu Văn T và Đặng văn P đang trên đường mang đi bán cho D thì bị phát hiện, ông Sùng A X mang đi bán được 3.500.000 VNĐ. Còn lại 15.400.000VNĐ các bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường. Ngoài ra tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo ủy quyền của ông X là ông Sùng A X yêu

cầu bồi thường tiền công đi tìm kiếm là 10.000.000 VNĐ. Xét thấy việc ông X yêu cầu các bị cáo bồi thường tiền công đi tìm kiếm là hợp lý nhưng thực tế khi ông X biết được thông tin bị mất trâu là 11 giờ đêm ngày 07/07/2019 đến 08 giờ sáng hôm sau đã bắt được các đối tượng T và P, ông đã biết được con trâu của ông bị trộm và giết mổ, ông X còn mang thịt trâu đi bán nên không có căn cứ chấp nhận số tiền công đi tìm trâu của ông X. Việc ông X yêu cầu bồi thường trị giá con trâu là 30.000.000VNĐ các bị cáo không nhất trí. Hội đồng xét xử xét thấy Hội đồng định giá huyện TĐ đã định giá đảm bảo tính khách quan đúng quy định của pháp luật nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu bồi thường trị giá con trâu là 30.000.000VNĐ. Các bị cáo phải bồi thường giá trị còn lại của con trâu là 15.400.000VNĐ (Do ông X đã bán thịt trâu được 3.500.000VNĐ). Do đó:

Bị cáo Triệu Văn T bồi thường 5.400.000VNĐ

Bị cáo Đặng Văn P bồi thường: 5.000.000VNĐ

Bị cáo Hoàng Văn D bồi thường 5.000.000VNĐ

[4]. Về vật chứng của vụ án: Các vật chứng không còn giá trị sử dụng cần tịch thu để tiêu hủy; 02 chiếc xe máy và 03 chiếc điện thoại là công cụ, phương tiện thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo nên cần tịch thu hóa giá sung vào công quỹ Nhà nước. Riêng Giấy phép lái xe và Chứng minh nhân dân mang tên Triệu Văn T không liên quan đến vụ án cần trả lại cho bị cáo.

[5]. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, mỗi bị cáo 200.000VNĐ và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Về các nội dung liên quan đến vụ án: Đối với các đối tượng mua 05 con dê của Triệu Văn T và mua thịt trâu của Hoàng Văn D, do các bị cáo không biết rõ nhân thân lai lịch nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xác minh làm rõ nên không có cơ sở xử lý trong vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Tuyên bố các bị cáo Triệu Văn T (Tên gọi khác T), Đặng Văn P, Hoàng Ổng K, Hoàng Văn D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

* Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo T và bị cáo K:

+ Xử phạt bị cáo **Triệu Văn T** (Tên gọi khác T) **05 (năm) năm 06 (sáu) tháng** tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt với Bản án số 52/2019/HS- ST ngày 05/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Lào Cai đã xử phạt bị cáo 04 (bốn) năm tù. Bị cáo phải chấp hành chung cho cả hai bản án là **09 (chín) năm 06 (sáu) tháng** tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/7/2019, được khấu trừ **09 (chín) ngày** tạm giữ.

+ Xử phạt bị cáo **Hoàng Ỗng K** **03 (ba) năm 06 (sáu) tháng** tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt với Bản án số 52/2019/HS- ST ngày 05/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Lào Cai đã xử phạt bị cáo 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù. Bị cáo phải chấp hành chung cho cả hai bản án là **07(bảy) năm 03 (ba) tháng** tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/7/2019.

* Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo **Đặng Văn P** **03 (ba) năm** tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt với Bản án số 52/2019/HS-ST ngày 05/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Lào Cai đã xử phạt bị cáo 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù. Bị cáo phải chấp hành chung cho cả hai bản án là **06 (sáu) năm 03 (ba) tháng** tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/7/2019.

* Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo **Hoàng Văn D** **04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng** tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt với bản án số 06/2020/HS- PT ngày 13/01/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai đã xử phạt bị cáo 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù. Bị cáo phải chấp hành chung cho cả hai bản án là **07(bảy) năm 03 (ba) tháng** tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

[2]. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 288, 584, 585, 586, 587, 589 Bộ luật Dân sự 2015.

** Buộc bị cáo Triệu Văn T phải bồi thường:*

- Bồi thường cho ông Vàng A 23.000.000VNĐ
- Bồi thường cho ông Tráng A H 10.000.000VNĐ
- Bồi thường cho ông Tòng Văn P 20.000.000VNĐ
- Bồi thường cho ông Lò Văn L 6.000.000 VNĐ
- Bồi thường cho ông Sùng A X 5.400.000VNĐ.

Tổng cộng **64.400.000VNĐ**

** Buộc bị cáo Hoàng Văn D phải bồi thường:*

- Bồi thường cho ông Vàng A C 14.000.000VNĐ
- Bồi thường cho ông Tráng A H 9.000.000VNĐ
- Bồi thường cho ông Tòng Văn P 12.000.000VNĐ
- Bồi thường cho ông Sùng A X 5.000.000 VNĐ.

Tổng cộng **40.000.000VNĐ**

** Buộc bị cáo Hoàng Ông K phải bồi thường:*

- Bồi thường cho ông Vàng A C 8.456.250 VNĐ
- Bồi thường cho ông Tráng A H 8.000.000VNĐ
- Bồi thường cho ông Tòng Văn P 8.500.000 VNĐ
- Bồi thường cho ông Lò Văn L 2.500.000 VNĐ

Tổng cộng **27.456.250VNĐ**

** Buộc bị cáo Đặng Văn P phải bồi thường:*

- Bồi thường cho ông Vàng A C 8.000.000VNĐ
- Bồi thường cho ông Tráng A H 8.000.000VNĐ
- Bồi thường cho ông Tòng Văn P 8.500.000VNĐ
- Bồi thường cho ông Lò Văn L 2.500.000 VNĐ
- Bồi thường cho ông Sùng A X 5.000.000VNĐ.

Tổng cộng **32.000.000VNĐ.**

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu Thi hành án của người được thi hành án. Nếu người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ theo quyết định của bản án nói trên thì ngoài ra phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự, Điều 47 Bộ luật Hình sự:

** Tịch thu và tiêu hủy những vật chứng sau đây vì không còn giá trị sử dụng:*

1. 01 (một) chiếc ba lô màu đỏ đen.
2. 01 (một) con dao nhọn bằng kim loại, có tổng chiều dài 48cm.
3. 01 (một) con dao nhọn bằng kim loại có tổng chiều dài là 44 cm.
4. 01 (một) con dao bầu bằng kim loại; tổng chiều dài dao là 30,8cm.
5. 01 (một) con dao bầu bằng kim loại; tổng chiều dài dao là 30cm.
6. 01 (một) con dao bầu bằng kim loại; tổng chiều dài dao là 29,5cm.
7. 01 (một) con dao mũi nhọn có chiều dài 38cm.
8. 01 (một) thỏi đá mài hình chữ nhật có chiều dài 20cm.
9. 01 (một) thỏi đá mài hình chữ nhật có tổng chiều dài 14,8cm.
10. 01 (một) hòn đá mài màu xám, kích thước 15 x 3 x 5cm.

11. 01 (một) hòn đá mài màu xám chiều dài 20 x 5,5 x 2,2cm
12. 01 (một) đầu búa bằng kim loại, kích thước 17 x 6 x 7cm
13. 01 (một) chiếc đèn pin có chiều dài 18cm.
14. 01 (một) chiếc đèn pin có chiều dài 15,5cm.
15. 01 (một) cuộn băng dính màu vàng.
16. 01 (một) gói bột ngọt nhãn hiệu Vedan.
17. 01 (một) ống tay áo có đặc điểm màu nâu – xám có chiều dài 50cm
18. 01 (một) ống tay áo màu nâu – xám có chiều dài 46cm.
19. 01 (một) áo sơ mi màu đen có chiều dài 70cm.
20. 06 (sáu) đoạn dây cao su màu đen, mỗi đoạn có chiều dài 2,75cm.
21. 06 (sáu) vỏ bao tải xác rắn, có cùng đặc điểm.
22. 01 (một) mũ bảo hiểm trùm cả đầu, màu xanh – đen.
23. 01 (một) mũ bảo hiểm, loại mũ nửa đầu, màu đỏ- đen, nhãn hiệu SRORT.
24. 02 (hai) đoạn dây thừng màu trắng có chiều dài 2,55m.
25. 01 (một) dây thừng, loại dây xác rắn màu vàng đất dài 1,34m.
26. 12 (mười hai) lọ thủy tinh trong suốt, chiều dài 6,6cm.
27. 04 (bốn) chiếc đĩa, chất liệu bằng gỗ.
28. 01 (một) túi ni lông màu trong suốt.
29. 01 (một) chiếc khăn trang màu đen.
30. 01 (một) ví giả da màu cam.
31. 01 (một) đoạn gỗ đã khô có chiều dài 46 cm.
32. 01 (một) chiếc giày nam cỡ 43.
33. 01 (một) chiếc giày nam cỡ 40.
34. 01 (một) vỏ chai nhựa trong suốt, loại 01 lít, chai đã qua sử dụng.
35. 01 (một) cân bàn nhãn hiệu Nhơn Hòa, màu xanh, loại cân 30kg

* Tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước gồm:

1. 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe FUTURE, màu đen-xám mang BKS: 24B1-34531, số máy: JC53E-0037547, số khung RLHJC53090Y037509 kèm một giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô.

2. 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu ESPERO màu đen, không có biển kiểm soát, số khung RPEXC J6PE JA314835, số máy VDEJQ 154FMJ 314835.

3. 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh – đen.

4. 01 (một) điện thoại di động (loại bàn phím) nhãn hiệu MASSTEL.

5. 01 (một) điện thoại di động (loại cảm ứng) nhãn hiệu IPHONE, loại 6S plus màu hồng.

* Trả lại cho bị cáo Triệu Văn T 01 (một) Giấy phép lái xe số: 100149000193 hạng A1 mang tên Triệu Văn T.

(Tình trạng vật chứng như biên bản bàn giao vật chứng giữa Công an tỉnh Lai Châu và Cục Thi hành án Dân sự tỉnh ngày 03/01/2020).

* Trả lại cho bị cáo Triệu Văn T 01 (một) Chứng minh nhân dân số 063436970 mang tên Triệu Văn T.

[4]. Án phí: Áp dụng khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH, Các bị cáo Triệu Văn T, Hoàng Ông K, Đặng Văn P, Hoàng Văn D, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 VNĐ án phí hình sự sơ thẩm.

Về án phí Dân sự sơ thẩm theo giá ngạch:

Bị cáo Triệu Văn T phải chịu: 3.220.000VNĐ

Bị cáo Hoàng Ông K phải chịu: 1.372.000VNĐ

Bị cáo Đặng Văn P phải chịu 1.600.000VNĐ

Bị cáo Hoàng Văn D phải chịu 2.000.000VNĐ

[5]. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 61, Điều 62, Điều 333 BLTTHS các bị cáo, các bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại khoản 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao;
- VKSND cấp cao;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- Bị cáo; Các bị hại,
- Thi hành án;
- Trại tạm giam;
- Công an tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Lưu HS – HS./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hòa

THÀNH VIÊN HĐXX

TP- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao;
- VKSND cấp cao;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- Bị cáo; Các bị hại,
- Thi hành án;
- Trại tạm giam;
- Công an tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Lưu HS – HS./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hòa

